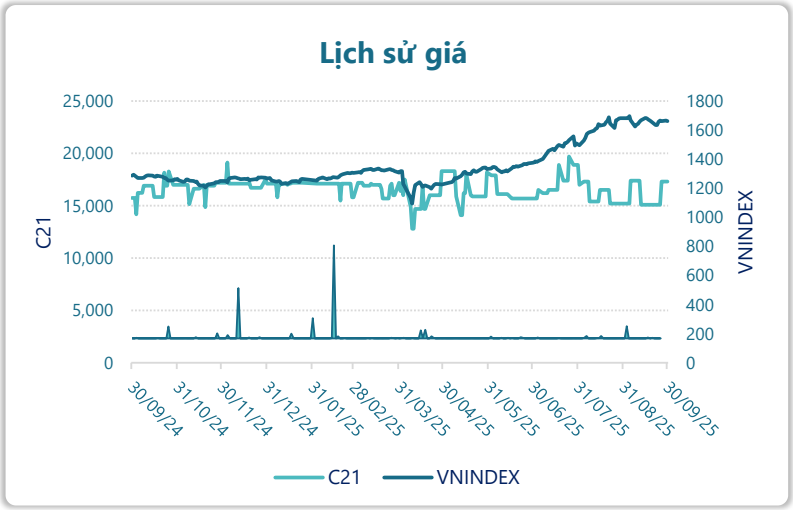
FireAnt

CTCP Thế kỷ 21 (UPCOM: C21)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
SL cổ phiếu LH	18,138,647
KLGD BQ 20 phiên (CP)	530
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	314
P/E	12.6
EPS	1,373

DT thuần

Q3/25

21.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.60| -2.5%

YoY: ▼0.90| -3.8%

LN sau thuế

Q3/25

8.10

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.55| 658%

YoY: ▲ 1.94| 31.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

44.8%

+/- YoY: ▲ 11.3%

DT thuần

9T 2025

64.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.50| -13.0%

LN sau thuế

9T 2025

13.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.9| 2236%

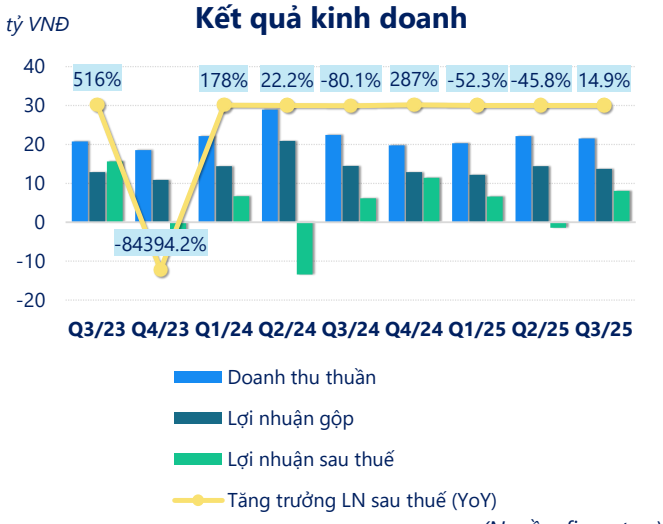
ROE

Q3/25

3.3%

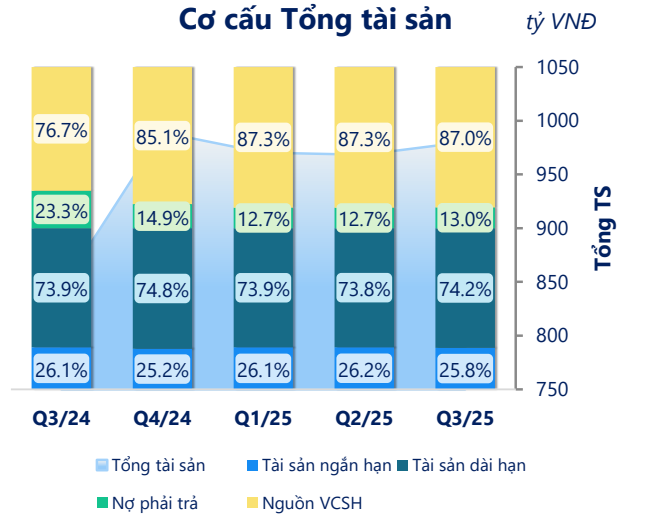
+/- YoY: ▲ 4.8%

Kết quả kinh doanh



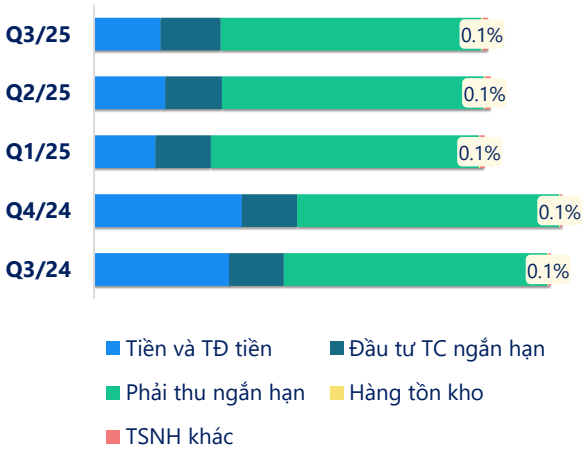
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



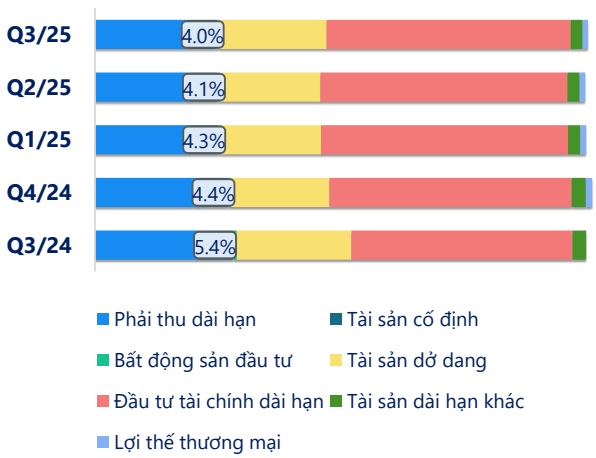
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



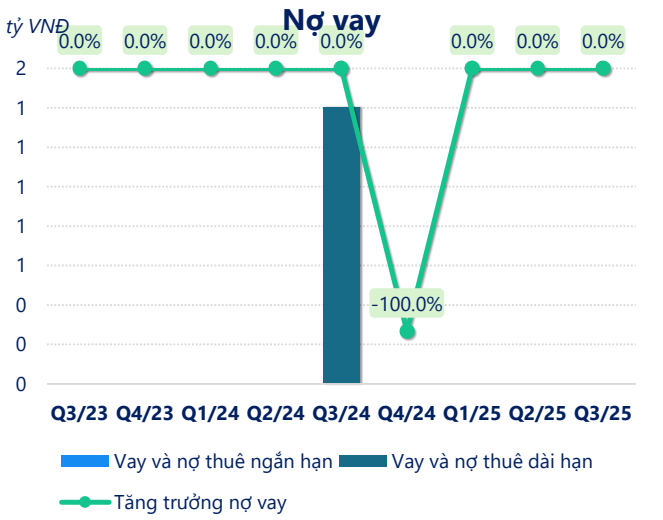
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



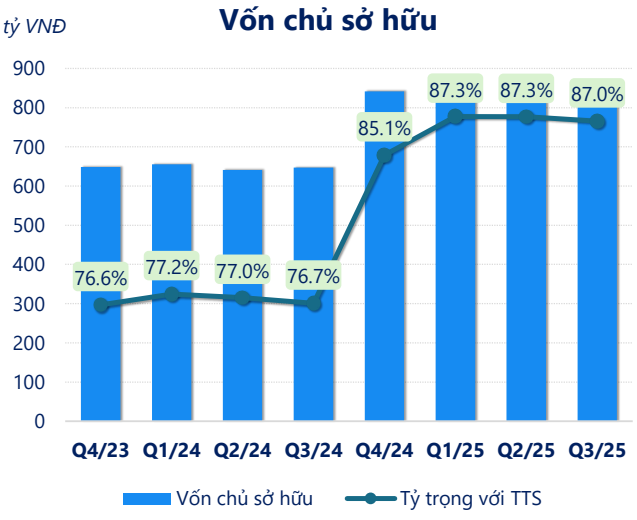
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



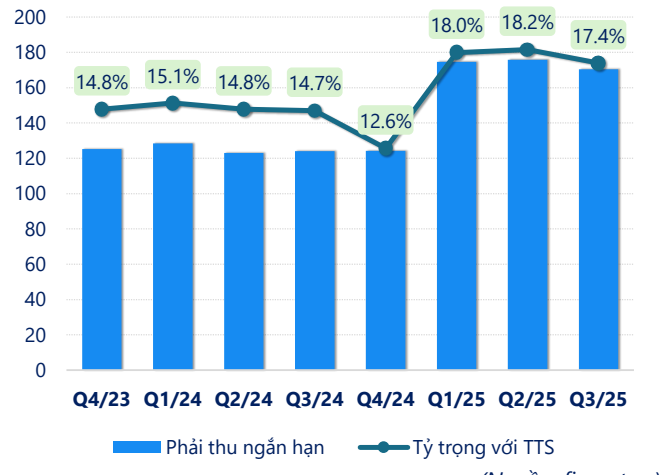
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



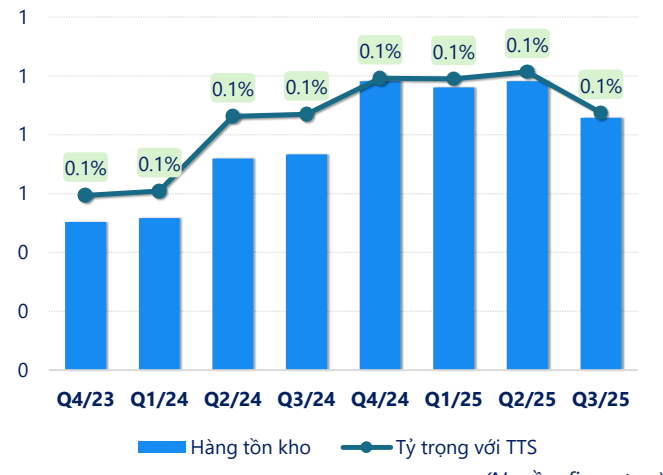
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



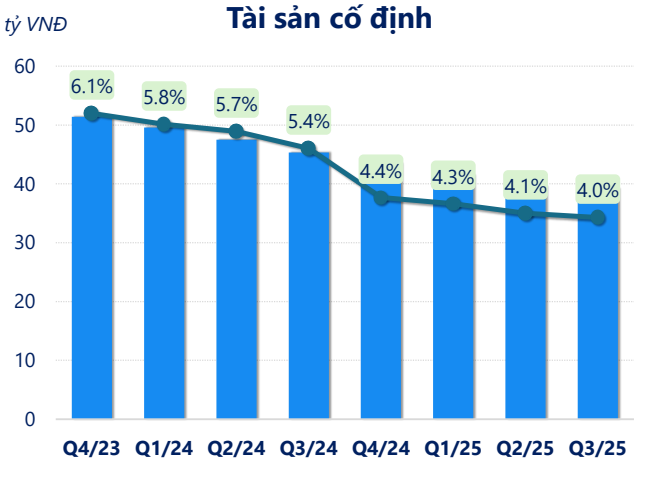
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



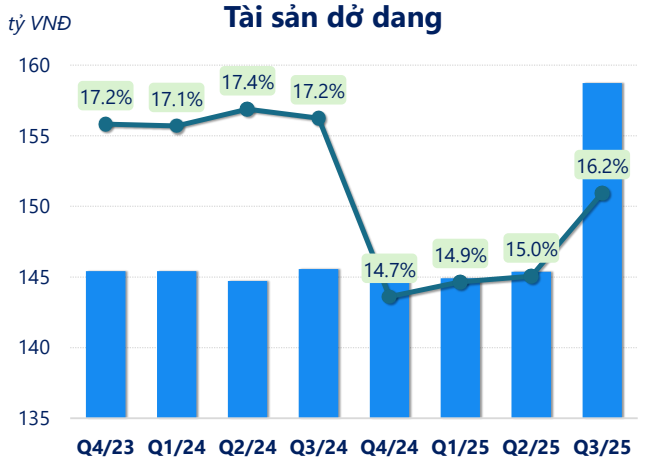
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



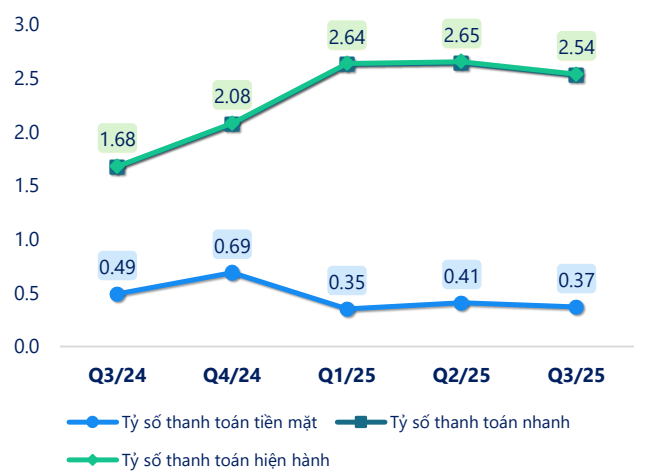
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



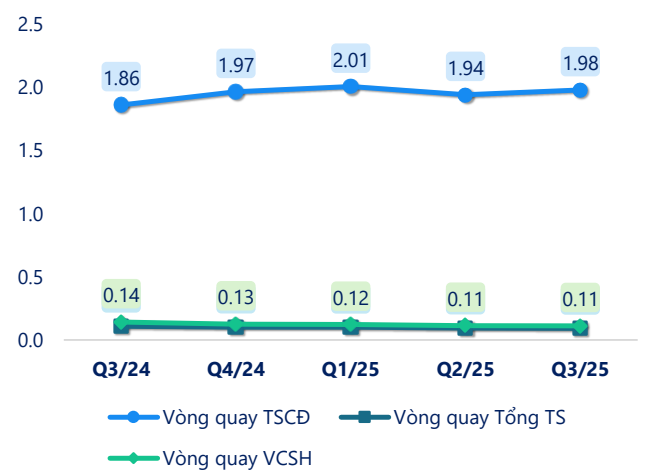
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**844**	**989**	**970**	**969**	**980**
Tài sản ngắn hạn	**220**	**249**	**253**	**254**	**253**
Tiền và tương đương tiền	64.3	82.4	33.6	38.9	36.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.6	40.7	41.4	35.4	42.7
Phải thu ngắn hạn	124	124	175	176	170
Hàng tồn kho	0.73	0.98	0.96	0.98	0.86
Tài sản ngắn hạn khác	2.58	0.90	2.83	2.79	2.45
Tài sản dài hạn	**624**	**740**	**717**	**715**	**727**
Phải thu dài hạn	130	155	139	139	139
Tài sản cố định	45.3	43.5	41.5	39.5	39.2
Bất động sản đầu tư	4.98	4.88	4.79	4.69	4.59
Tài sản dở dang	146	146	145	145	159
Đầu tư tài chính dài hạn	281	361	360	360	360
Tài sản dài hạn khác	17.4	21.4	17.8	17.7	17.7
Lợi thế thương mại	0	9.24	8.78	8.32	7.86
Nợ phải trả	**197**	**148**	**123**	**123**	**127**
Nợ ngắn hạn	**131**	**120**	**96.1**	**95.7**	**99.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.67	5.54	5.58	6.01	5.93
Nợ dài hạn	65.5	27.7	27.4	27.6	27.6
Vay và nợ thuê dài hạn	1.40	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**647**	**842**	**847**	**845**	**853**
Vốn chủ sở hữu	**647**	**842**	**847**	**845**	**853**
Vốn điều lệ	193	193	193	193	193
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)